

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản**

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

## **Điều 2. Người nộp phí, lệ phí**

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định, cấp phép trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

## **Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí**

1. Tổ chức thu lệ phí gồm: ~~Tổng cục Thủy sản và~~<sup>1</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Tổ chức thu phí gồm:

- a) Tổng cục Thủy sản.
- b) Trung tâm Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản.
- e) Cơ quan quản lý *nhà nước về thủy sản*<sup>2</sup> nuôi trồng thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

## **Điều 4. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản thực hiện theo Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 5. kê khai, nộp phí**

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo *quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế* hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

## **Điều 6. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí**

1. ~~Tổ chức thu phí Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản; Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Đồng Bằng Sông Cửu Long; Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản miền Đông Nam Bộ; Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản miền Trung và Tây Nguyên được trích lại 90% tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm~~

<sup>1</sup> Phần gạch ngang là nội dung bãi bỏ so với Thông tư 284 và Thông tư 09.

<sup>2</sup> Phần nghiêng đậm là nội dung bổ sung so với Thông tư 284 và Thông tư 09.

~~2016 của Chính phủ. Nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.~~

~~2. Đối với tổ chức thu phí là cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:~~

~~a) 1. Tổ chức thu phí, lệ phí nộp toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.~~

~~b) 2. Trường hợp tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan nhà nước thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí thì được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.~~

~~3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.~~

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản và Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

*3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**BIỂU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ  
CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

*(Kèm theo Thông tư số 2021/TT-BTC*

*ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Số TT	Danh mục	Mức thu
<b>I</b>	<b>Lệ phí</b>	
1	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn; công bố hợp quy vật tư nuôi trồng thủy sản nhập khẩu	50.000 đồng/lần
2	<del>Lệ phí công nhận chất lượng vật tư nông nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam</del>	<del>50.000 đồng/lần</del>
<b>II</b>	<b>Phí</b>	
1	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận vật tư nuôi trồng thủy sản nhập khẩu	470.000 đồng/lần + Số lượng mẫu X 90.000 đồng/mẫu
2	<del>Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm vật tư nuôi trồng thủy sản:</del>	
a	<del>Đăng ký mới</del>	<del>1.050.000 đồng/lần/sản phẩm</del>
b	<del>Đăng ký lại/gia hạn</del>	<del>530.000 đồng/lần/sản phẩm</del>
e	<del>Thay đổi thông tin doanh nghiệp/sản phẩm</del>	<del>350.000 đồng/lần/cơ sở/sản phẩm</del>
2 3	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn <i>thủy sản</i> , sản phẩm xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản:	
a	Có hoạt động sản xuất	5.700.000 đồng/lần
b	Không có hoạt động sản xuất	1.500.000 đồng/lần
3 4	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản	5.700.000 đồng/lần

***Ghi chú:*** Mức thu phí quy định tại điểm 2 và điểm 3 Mục II Biểu nêu trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định./.